CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

FireAnt

CTCP Đầu tư LDG

Ngày 30/06/2025	3,040 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	32.2%	**50.5%**	**60.0%**

DT thuần
Q2/25
3.48
tỷ VNĐ
QoQ: ▼73.7| -95.5%
YoY: ▲ 22.7| 118%

LN thuần
Q2/25
-104
tỷ VNĐ
QoQ: ▼117| -886%
YoY: ▲ 170| 62.1%

LN sau thuế
Q2/25
-105
tỷ VNĐ
QoQ: ▼117| -950%
YoY: ▲ 166| 61.4%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
-2671%
YoY: +/-▼ 2702%

ROE (TTM)
Q2/25
-27.6%
YoY: +/-▲ 6.0%

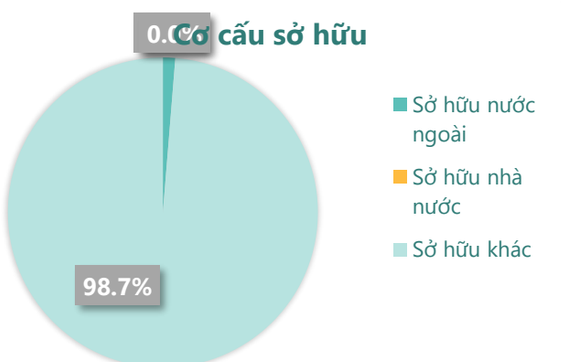
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	1,600 - 3,040
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	777
Số lượng CPLH (CP)	255,615,849
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,230,545
Sở hữu nước ngoài	1.3%
Beta	1.03
EPS	-1,854
P/E	-1.6

DT thuần
6T 2025
80.6
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 230| 154%

LN thuần
6T 2025
-90.6
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 308| 77.3%

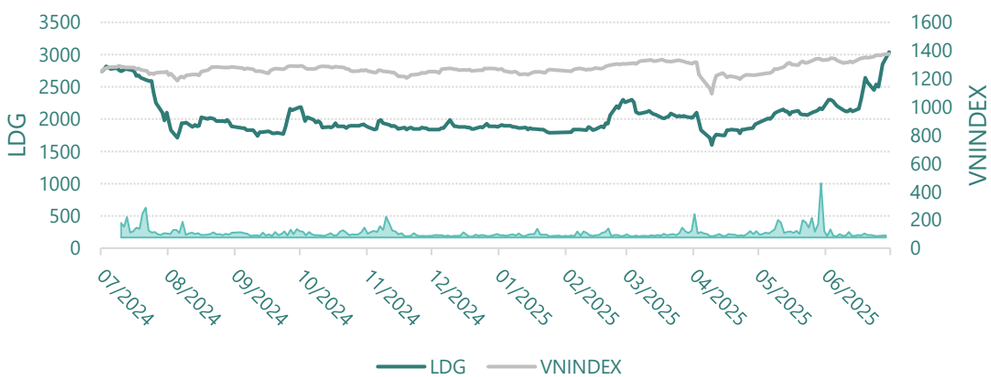
LN sau thuế
6T 2025
-92.2
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 304| 76.7%

Cơ cấu sở hữu

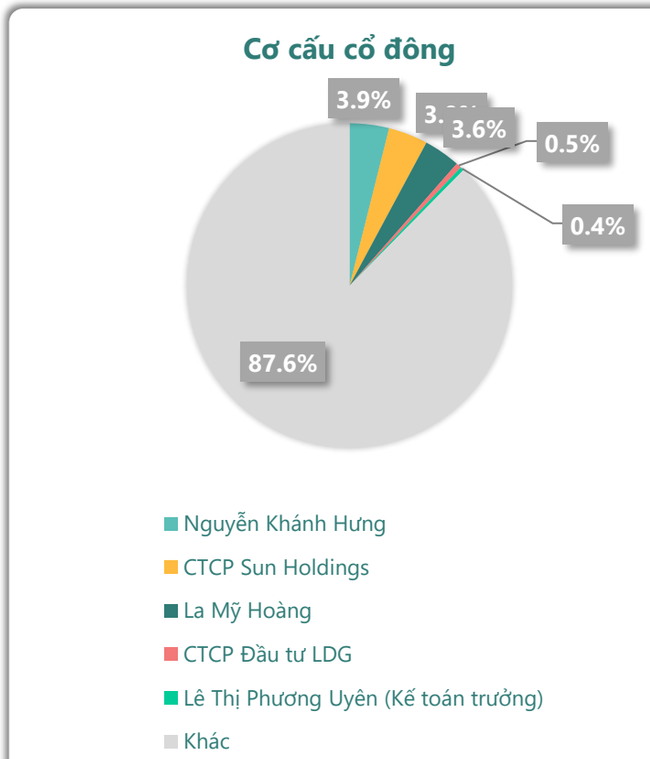


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



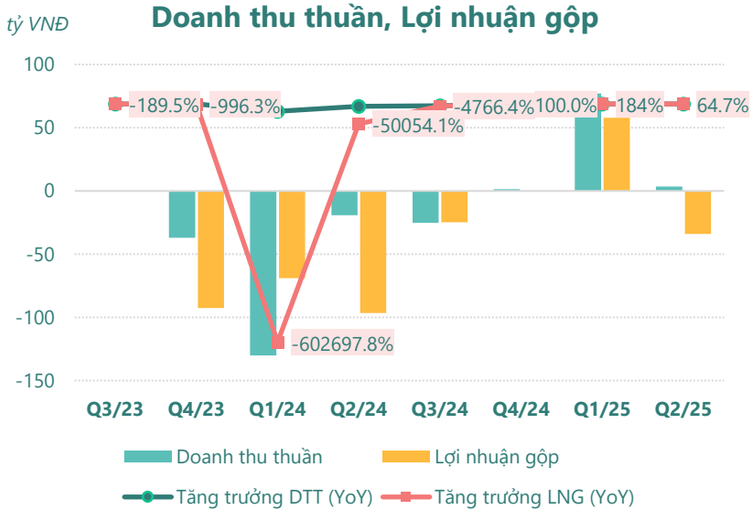
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

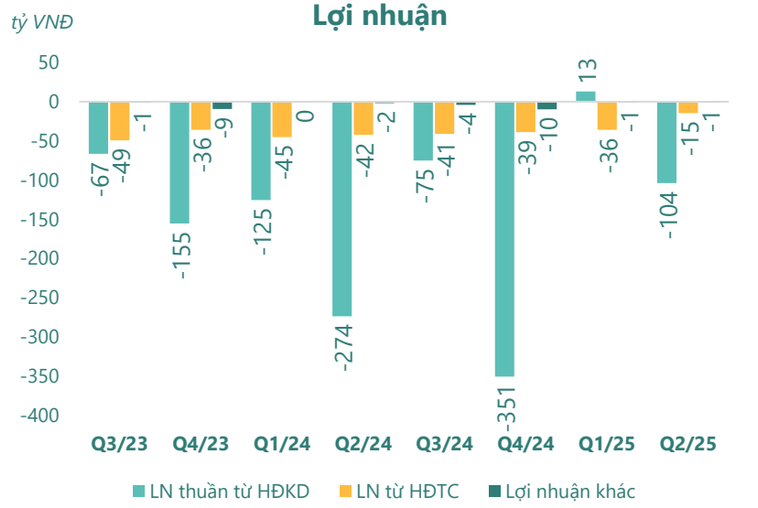
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



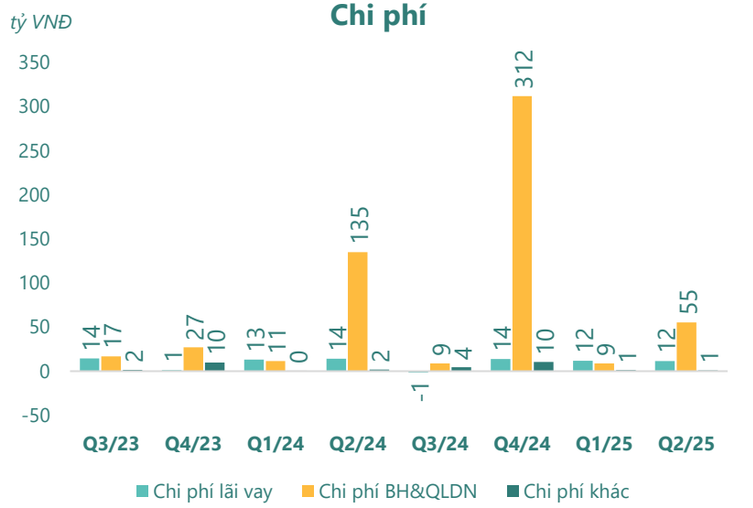
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



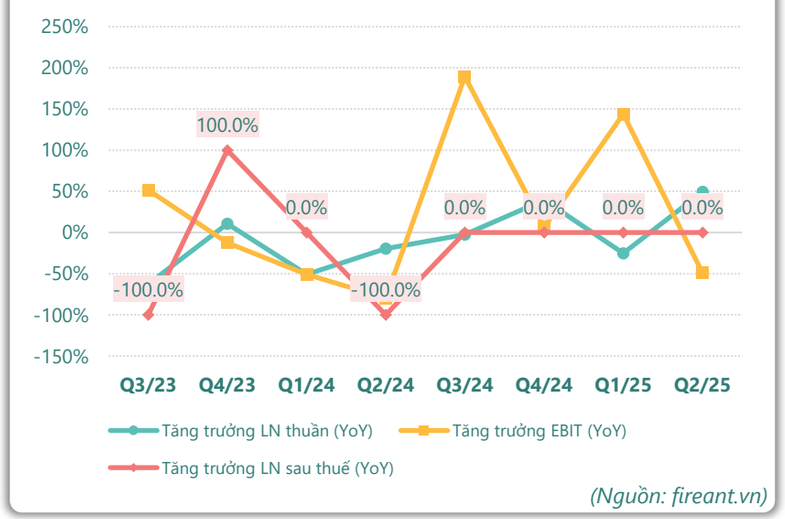
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



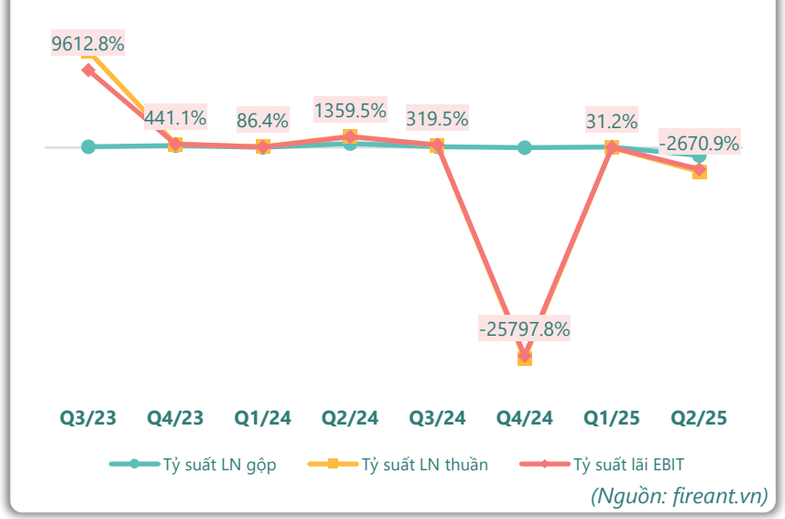
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



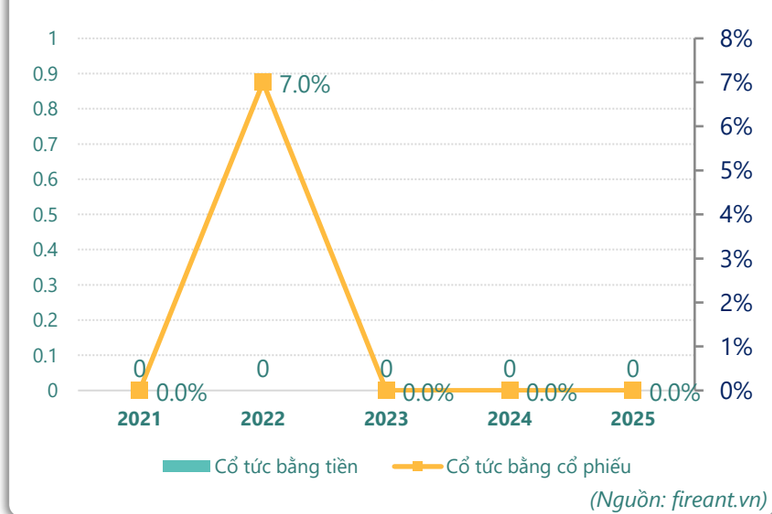
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

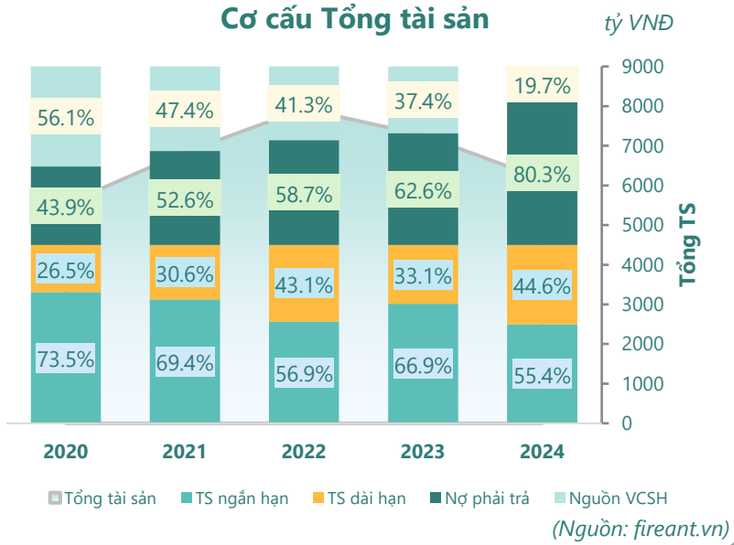
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

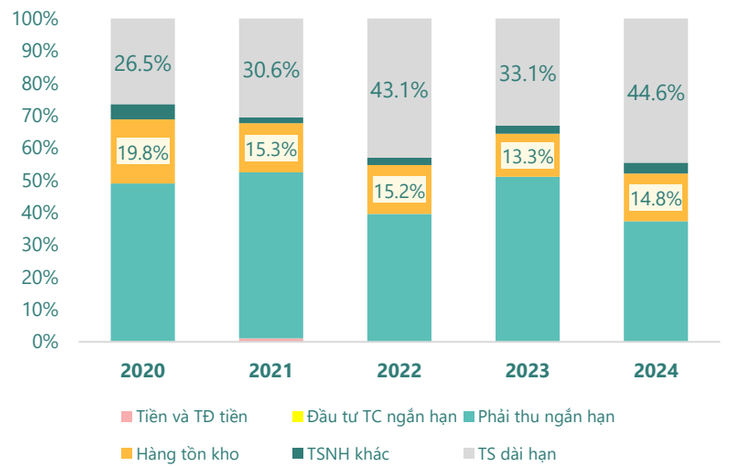
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



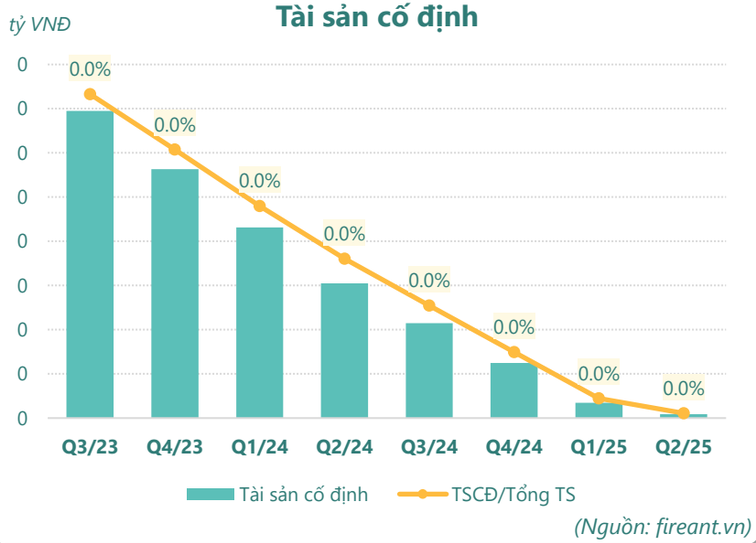
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



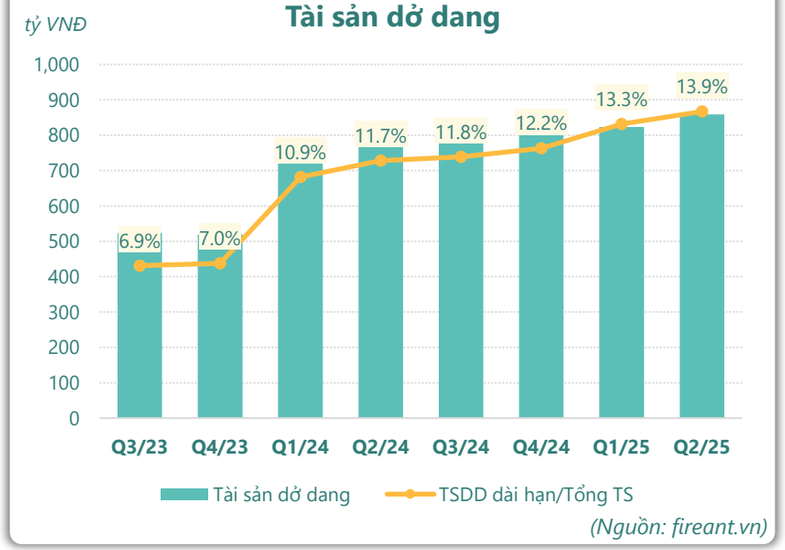
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



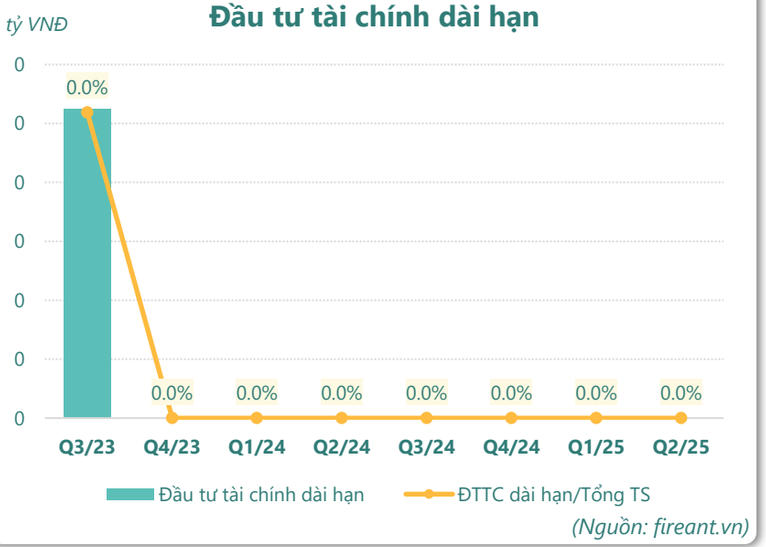
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



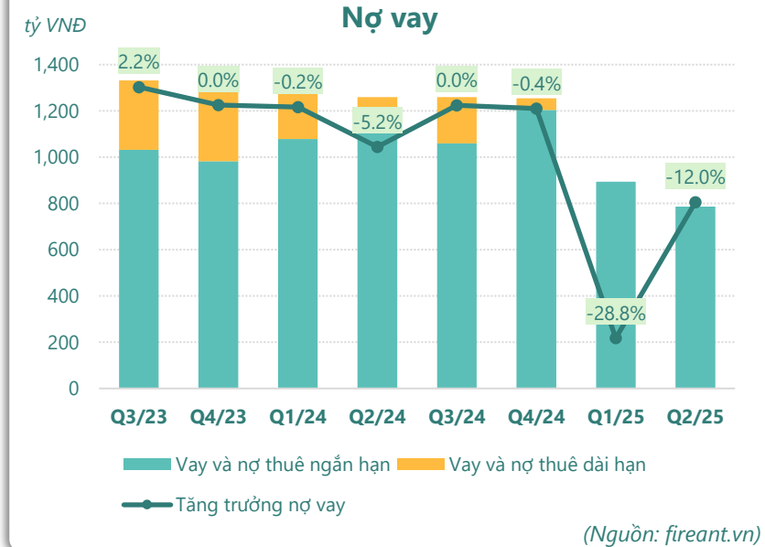
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

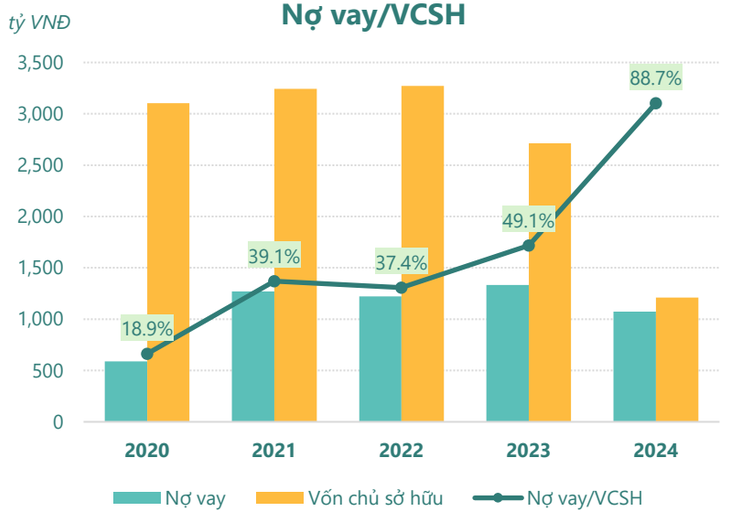
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

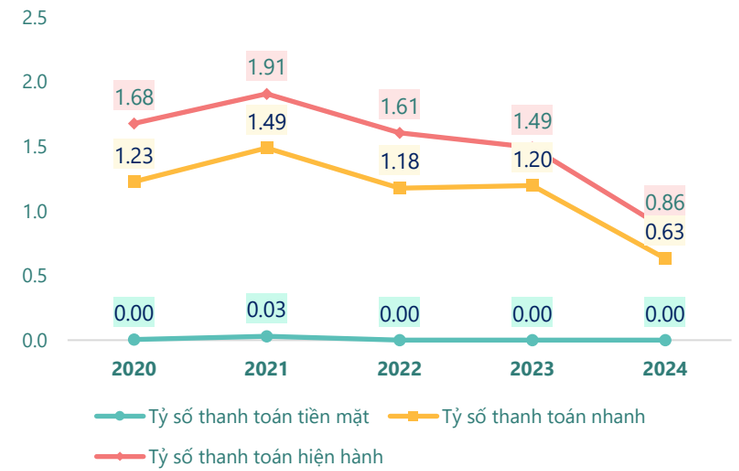
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



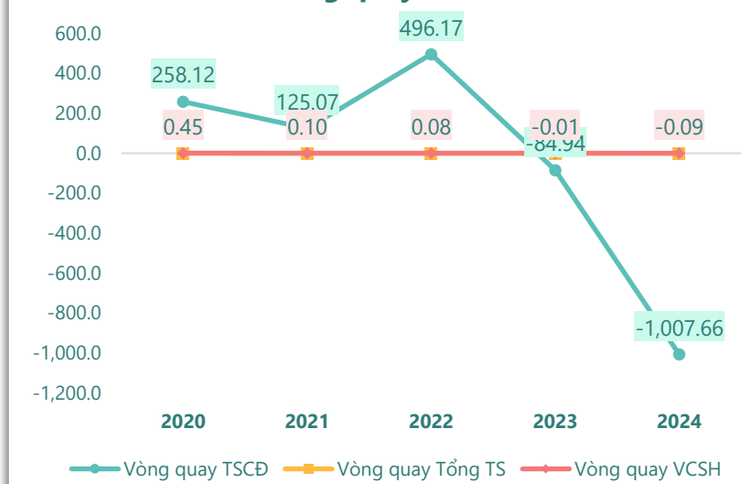
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



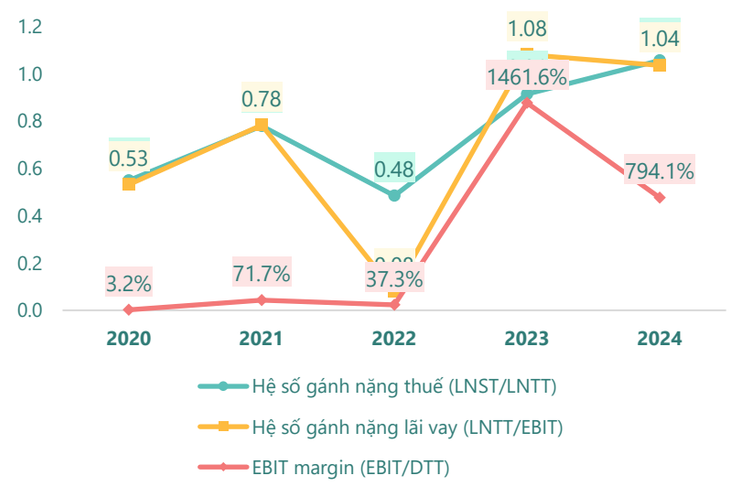
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



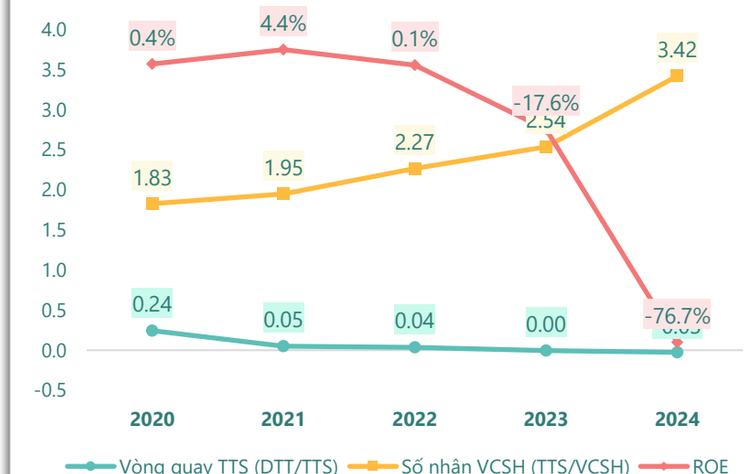
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



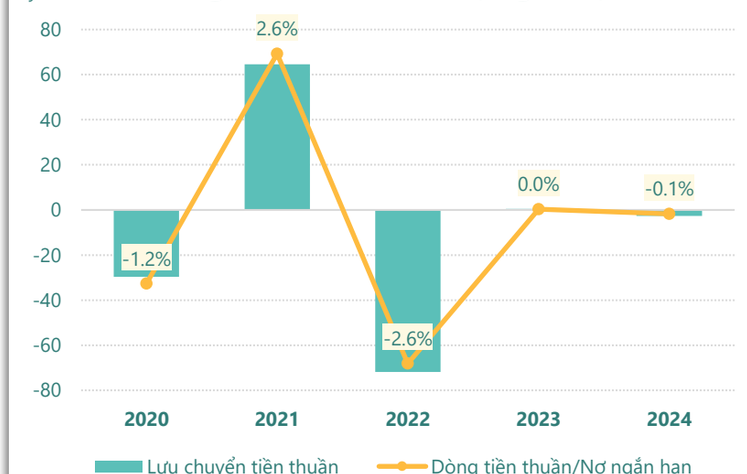
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**3.48**	**-19.2**	**118%**	**80.6**	**-149**	**154%**
Giá vốn hàng bán	37.5	77.2	-51.4%	56.7	16.1	253%
Lợi nhuận gộp	-34.0	-96.4	64.7%	23.9	-165	114%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.01	-77.3%	0.00	0.01	-60.0%
Chi phí TC	14.6	42.1	-65.4%	50.5	87.1	-42.0%
Chi phí lãi vay	11.6	14.1	-17.8%	23.4	27.2	-14.1%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	1.55	8.18	-81.0%	2.76	10.1	-72.7%
Chi phí QLDN	**53.6**	**127**	**-57.8%**	**61.2**	**136**	**-55.1%**
LN thuần từ HĐKD	-104	-274	62.1%	-90.6	-399	77.3%
Lợi nhuận khác	**-0.77**	**-1.81**	**57.7%**	**-1.65**	**-1.97**	**16.1%**
LN trước thuế	-105	-275	62.0%	-92.2	-401	77.0%
Lợi nhuận sau thuế	**-105**	**-271**	**61.4%**	**-92.2**	**-396**	**76.7%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-105**	**-271**	**61.4%**	**-92.2**	**-396**	**76.7%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	6.43	74.9	-12.3	6.04	189	99.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.01	0.01	0.00	-5.43	5.43
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-3.31	-68.4	-0.40	-5.54	-181	-107
Tiền đầu kỳ	3.58	6.70	13.1	0.41	0.92	3.33
Lưu chuyển tiền thuần	**3.12**	**6.44**	**-12.7**	**0.51**	**2.41**	**-1.77**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	6.70	13.1	0.41	0.92	3.33	1.55

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**6,194**	**6,157**	**0.6%**
Tài sản ngắn hạn	3,417	3,413	0.1%
Tiền và tương đương tiền	1.55	0.92	69.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	2,342	2,298	1.9%
Hàng tồn kho	873	908	-3.9%
Tài sản ngắn hạn khác	201	206	-2.6%
Tài sản dài hạn	**2,777**	**2,744**	**1.2%**
Phải thu dài hạn	1,477	1,501	-1.6%
Tài sản cố định	0.00	0.06	-93.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	859	815	5.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**427**	**411**	**4.0%**
Lợi thế thương mại	13.0	17.1	-23.7%
Nợ phải trả	5,076	4,946	2.6%
Nợ ngắn hạn	**3,798**	**3,954**	**-4.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	786	1,024	-23.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	178	185	-4.2%
Nợ dài hạn	1,278	992	28.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	50.0	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,119**	**1,211**	**-7.6%**
Vốn chủ sở hữu	**1,119**	**1,211**	**-7.6%**
Vốn điều lệ	2,570	2,570	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)